TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2019
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
Các *Hội thẩm nhân dân:*
Ông Nguyễn Lâm Tới;
Bà Huỳnh Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa*:** Nèang Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Tiêu Văn N, sinh năm 1987, cư trú: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh A, có mặt;

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thúy K, sinh năm 1989, cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 03 tháng 12 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Tiêu Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà K chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận, số 55, quyển số 01/2008, ngày 12 tháng 8 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Sau khi cưới vợ chồng sống tại xã N, từ năm 2013 xảy ra mâu thuẫn, bà K bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ đó. Do đó, ông N yêu cầu ly hôn với bà K.

Về con chung: Có 01 (một) con chung là Tiêu Khánh L, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2009. Hiện tại do ông N nuôi dưỡng, ông yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà K cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy K đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.*

- *Ý kiến trình bày của cháu Tiêu Khánh L*: Nếu cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với cha Tiêu Văn N.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án*:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng các nghĩa vụ theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà K có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy về tình cảm giữa ông N và bà K không còn hạnh phúc, cả hai bỏ mặt không còn quan tâm, thể hiện từ năm 2013 thì ông N và bà K không còn sống chung với nhau. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: có một con chung là cháu Tiêu Khánh L, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2009. Từ sau khi ông N và bà K không còn chung sống với nhau, con chung đều do ông N nuôi dưỡng. Mặc khác, để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, không làm thay đổi cuộc sống và phù hợp với nguyện vọng của cháu Luân, cần tiếp tục giao con chung cho ông N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng ông N không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của ông Tiêu Văn N.

Tại phiên tòa hôm nay, bà K vắng mặt. Nguyên đơn ông Tiêu Văn N vẫn

giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn Bà Nguyễn Thị Thúy K đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Bà Nguyễn Thị Thúy K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 7, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Ông N và bà K chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận, số 55, quyển số: 02/2008, ngày 12 tháng 8 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Xét thấy về tình cảm ông N và bà K không còn hạnh phúc, từ năm 2013 cả hai không còn chung sống với nhau, theo kết quả xác minh ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại ấp T, xã T, huyện T xác định *"...từ năm 2014 thấy bà K về nhà cha mẹ ruột sống mà không thấy ông N, hiện nay bà K cũng đã có gia đình khác..."*. Như vậy, thấy rằng ông N và bà K đã bỏ mặt không còn quan tâm, cuộc sống hôn nhân giữa đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, nên Hội đồng xét xử thấy rằng Ông Tiêu Văn N xin ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Có một con chung tên Tiêu Khánh L, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2009. Xét về yêu cầu thấy rằng, từ sau khi không còn chung sống, con chung đều do ông N nuôi dưỡng, đến nay cháu Luân đã hơn 9 tuổi và có nguyện vọng được sống với cha, nên khi xem xét giao con chung cũng xem xét đến nguyện vọng của con. Do đó, cần giao con chung cho ông N nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng và phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N không yêu cầu, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Ông Tiêu Văn N khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí

dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Bà Nguyễn Thị Thúy K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tiêu Văn N xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy K.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Ông Tiêu Văn N và bà Nguyễn Thị Thúy K.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Tiêu Khánh L, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2009 cho ông Tiêu Văn N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Bà Nguyễn Thị Thúy K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Tiêu Văn N cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Nguyễn Thị Thúy K quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Tiêu Văn N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0014429 ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Ông N đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt

tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã Thới Sơn;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ